

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2025

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Trí

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1976. Địa chỉ: G ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn R trình bày:*

Tôi và bà Trần Thị Kim H tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày: 12/12/1997 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/01/2000. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên nay yêu cầu Tòa án không công nhận giữa tôi và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 24/02/2025 ông Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:*

Tôi đồng ý với lời trình bày của ông R về tình hình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như ông R trình bày, chúng tôi xảy ra mâu thuẫn nên không thể hàn gắn được, nay tôi đồng ý theo yêu cầu của ông R.

Về hôn nhân: Đồng ý không công nhận giữa tôi và ông R là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 24/02/2025 bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Kim H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị Kim H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về hôn nhân: Ông R và bà H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà ông bà đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí hàn gắn, hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết ông R và bà H đều thống nhất không công nhận ông, bà là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Q, không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị Kim H là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông R và bà H có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày: 12/12/1997 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/01/2000.

Các con của ông bà đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông R và bà H đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông R và bà H đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị Kim H là vợ chồng.
2. Về con chung: Ông R và bà H có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày: 12/12/1997 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/01/2000. Các con của ông bà đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Ông R và bà H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông R và bà H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008692 ngày 06/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Trí**

